

QUY CHẾ

**Quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ và trình tự xây dựng, thẩm định, phê duyệt các đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Chương trình, các đơn vị chủ trì thực hiện đề án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là *Đơn vị chủ trì*) và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình.

Điều 2. Cơ quan quản lý Chương trình, Đơn vị chủ trì

1. Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm trên địa bàn tỉnh.

2. Đơn vị chủ trì là các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án và giao chủ trì thực hiện đề án thuộc Chương trình.

Đơn vị chủ trì phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước (từ nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư công).
- Kinh phí của các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.
- Nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho Sở Công Thương.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện các hoạt động của Chương trình phải nhằm mục đích phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

b) Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

2. Điều kiện được hỗ trợ kinh phí

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình phải đáp ứng đủ các điều kiện được quy định tại Điều 5 Thông tư số 29/2018/TT-BTC.

Chương II
NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ: Áp dụng nội dung chi và mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Tổ chức đánh giá, xác nhận năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; đánh giá và công nhận các doanh nghiệp có trình độ và quy mô đáp ứng yêu cầu quốc tế. Mức hỗ trợ là 70% nhưng tối đa không quá 50 triệu/doanh nghiệp.

3. Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp.

4. Tổ chức hội thảo xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Mức hỗ trợ là 70% nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/chương trình.

5. Tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ là 70% nhưng tối đa không quá 1 tỷ đồng/chương trình.

6. Tổ chức hoặc tham gia hội chợ triển lãm trưng bày các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Mức hỗ trợ là 70% nhưng tối đa không quá 12 triệu đồng/doanh nghiệp tham gia.

7. Hỗ trợ quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/thương hiệu.

9. Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá về hoạt động công nghiệp hỗ trợ trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất

1. Đánh giá khả năng, nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 7 triệu đồng/doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ tổ chức chương trình đào tạo về áp dụng hệ thống quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu quốc tế.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/01 lớp từ 20 đến 30 học viên.

3. Hỗ trợ đánh giá, công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 7. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

1. Nghiên cứu đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 7 triệu đồng/doanh nghiệp.

2. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/01 lớp từ 20 đến 30 học viên.

Điều 8. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất, thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu

1. Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/chương trình.

2. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong tỉnh

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/chương trình.

3. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ hoàn thiện đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại, mua bản quyền, sáng chế, phần mềm.

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ các dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

8. Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho các tổ chức, cá nhân đã tự đầu tư nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng vào sản xuất có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/nghiên cứu đã được ứng dụng mang lại hiệu quả.

9. Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/chương trình.

Điều 9. Xây dựng và công bố thông tin về công nghiệp hỗ trợ hàng năm

1. Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong các lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo (bao gồm cả sản phẩm cơ khí trọng điểm), công nghiệp công nghệ cao.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 300 ngàn đồng/doanh nghiệp.

2. Cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và chính sách công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/chương trình.

3. Xuất bản các ấn phẩm về công nghiệp hỗ trợ

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 200 ngàn đồng/ấn phẩm.

4. Vận hành trang thông tin điện tử về công nghiệp hỗ trợ

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/chương trình.

Điều 10. Quản lý kinh phí công nghiệp hỗ trợ

1. Cơ quan quản lý kinh phí công nghiệp hỗ trợ được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí hỗ trợ do UBND tỉnh giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu. Nội dung chi áp dụng theo Khoản 1, Điều 11 của Thông tư 29/2018/TT-BTC .

2. Đối với tổ chức thực hiện dịch vụ công nghiệp hỗ trợ được chi tối đa 3% trên dự toán đề án công nghiệp hỗ trợ, riêng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được chi đến 4%. Nội dung chi áp dụng theo Khoản 2, Điều 11 của Thông tư 29/2018/TT-BTC .

3. Các hoạt động khác chưa quy định trong quy chế này thì áp dụng theo Thông tư số 29/2018/TT-BTC.

Chương III

**XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

Điều 11. Xây dựng và nộp hồ sơ đề án

1. Đơn vị chủ trì xây dựng đề án bao gồm những nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2. Các đề án phải đáp ứng các yêu cầu được quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg.

3. Đơn vị chủ trì 01 bộ nộp hồ sơ đề án gồm văn bản đăng ký thực hiện đề án (*có chữ ký của người đại diện pháp luật, có đóng dấu của đơn vị chủ trì*) và đề án đảm bảo những nội dung được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đến Sở Công Thương (*Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại*) theo thời hạn và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ được nêu trong thông báo của Sở Công Thương.

Điều 12. Tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt đề án

1. Tiếp nhận, thẩm định đề án

a) Sở Công Thương (*Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại*) tiếp nhận, đánh giá tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ do các Đơn vị chủ trì đăng ký. Trường hợp hồ sơ đề án chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy chế này thì hướng dẫn Đơn vị chủ trì hoàn thiện, nộp lại hồ sơ theo thời hạn quy định.

b) Tổng hợp hồ sơ đề án đạt yêu cầu gửi Hội đồng thẩm định các đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập để tiến hành thẩm định đề án.

2. Phê duyệt đề án

a) Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và dự toán chi ngân sách cho Chương trình hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trong năm gồm các đề án đã được đề nghị thực hiện theo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định.

b) Ngay sau khi Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trong năm được phê duyệt, Sở Công Thương thông báo cho các Đơn vị chủ trì và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương và Cổng thông tin điện tử về Công nghiệp hỗ trợ (nếu có).

Điều 13. Hợp đồng thực hiện, nghiệm thu đề án

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương giao Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại ký hợp đồng thực hiện đề án với các Đơn vị chủ trì thực hiện đề án.

2. Đơn vị chủ trì được ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân để thực hiện các hạng mục, công việc thuộc nội dung đề án theo đúng mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung, tiến độ, kinh phí đề án quy định tại Hợp đồng.

3. Đơn vị chủ trì sau khi thực hiện hoàn thành đề án, gửi văn bản đề nghị nghiệm thu đề án kèm theo báo cáo kết quả thực hiện đề án về Sở Công Thương (Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại) chậm nhất đến ngày 30/11 của năm thực hiện đề án để tổ chức nghiệm thu.

4. Đơn vị chủ trì thực hiện thủ tục thanh toán, quyết toán đề án khi kết quả nghiệm thu được đánh giá "Đạt". Đối với đề án sau nghiệm thu có kết quả "Không đạt" thì Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xác định số kinh phí để Đơn vị chủ trì hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 14. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

1. Trường hợp Đơn vị chủ trì điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện đề án đã được phê duyệt, phải có văn bản nêu rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương chủ trì tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trường hợp Đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ của đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung không phù hợp, Sở Công Thương trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt thực hiện đề án.

3. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có); việc quản lý và sử dụng kinh phí này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ngân sách.

Điều 15. Lập, phân bổ dự toán và thanh quyết toán

1. Hàng năm, Sở Công Thương xây dựng dự toán kinh phí Chương trình công nghiệp hỗ trợ để tổng hợp vào dự toán ngân sách của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ dự toán được giao, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ địa phương chi tiết theo từng đề án, nhiệm vụ, đơn vị chủ trì gửi Sở Tài chính kiểm tra theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí công nghiệp hỗ trợ phải quyết toán kinh phí năm với Sở Công Thương. Quyết toán năm Sở Công Thương gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo

Các Đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý (*ngày 10 của tháng đầu quý sau*) hoặc đột xuất về tình hình thực hiện đề án gửi về Sở Công Thương để theo dõi, quản lý. Trong quá trình thực hiện đề án có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời thông tin, báo cáo Sở Công Thương để hướng dẫn thực hiện.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định thực hiện Chương trình. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tiếp nhận, đánh giá sơ bộ đề án, trình Hội đồng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án trên cơ sở kết quả của Hội đồng thẩm định.

b) Theo dõi việc tổ chức thực hiện các đề án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

c) Hướng dẫn các đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện đề án xây dựng hồ sơ đề án theo quy định tại Quy chế này. Kịp thời báo cáo, đề xuất tình hình thực hiện các đề án theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình.

b) Kêu gọi đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

5. Đơn vị chủ trì

Chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng đề án, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí các đề án thuộc Chương trình, lập báo cáo theo đúng các điều khoản quy định tại hợp đồng và quy định Nhà nước hiện hành.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các sở, ngành, và các đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.